

CẢI CÁCH KINH TẾ: KINH NGHIỆM TRUNG QUỐC 1979 - 1991

PETER KWOK

(Bài thuyết trình tại Hội nghị về "Kinh nghiệm Cải cách Kinh tế của TQ"
Trường ĐHK.T. Tp. HCM, tháng 2/92)

I/ CẢI CÁCH KINH TẾ TRONG NƯỚC

A. Chính sách nông nghiệp

Tại hội nghị từ ngày 18 tới 22 tháng 12 năm 1978, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thừa nhận rằng nhiều vấn đề của nền kinh tế Trung Quốc bắt nguồn từ phương thức quyết định có tính tập quyền quá mức và cứng nhắc. Do đó, đã có quyết định tản quyền và giao quyền quyết định nhất định nào đó cho những cấp chính quyền bên dưới và các đơn vị xí nghiệp. Điều này đã làm thành nền tảng cho công cuộc cải cách kinh tế trong nước.

Chẳng bao lâu, vào cuối năm đó, chính sách đã được thực hiện và áp dụng vào đầu năm 1979 tại các tỉnh An Huy và Tứ Xuyên, với việc chuyển người nông dân thành các nông hộ kế hoạch. Điều này cho phép họ tách khỏi công xã nhân dân, chuyển từ sở hữu tập thể sang thuê mướn đất đai dài hạn và toàn quyền canh tác cũng như sử dụng thành quả. Vào khoảng năm 1984, đã có 840 triệu nông dân (98% tổng số nông dân) đang làm việc dưới cấu trúc mới này. Sản lượng nông nghiệp đã tăng khoảng 2,4% trong năm 1979, và từ đó về sau, mức tăng bình quân hàng năm là 11,2%. Sự thành công của công cuộc cải cách kinh tế nông nghiệp tạo nên một cơ sở vững chắc cho một nền kinh tế ổn định phát triển.

Vào năm 1985, ngoại trừ những sản vật và lương thực thực phẩm nào đó, còn thì chính quyền sẽ không mang trách nhiệm thu mua tất cả mọi sản phẩm của người nông dân. Nông dân được tự do bán sản phẩm "ngoài kế hoạch" ra thị trường. Tất cả các sắc thuế đều được yêu cầu trả bằng tiền mặt, thay vì hiện vật, dấu hiệu kết thúc truyền thống trả tô-thuế dưới hình thức nông sản. Vào tháng 8 cũng năm ấy, ngoại trừ một số mặt hàng nào đó, còn thì giá cả nông phẩm không phải chịu sự kiểm soát của nhà nước nữa; trong cùng lúc đó, nhà nước đã tăng phụ cấp cho công nhân thành thị để giúp họ giải bớt gánh nặng lạm phát cao.

B. Cải cách kinh tế ở thành thị

Cải cách kinh tế ở thành thị Trung

Quốc đã thực sự khởi đầu tại Tứ Xuyên vào mùa hè năm 1978; khi ấy, năm xí nghiệp quốc doanh được chọn làm những đơn vị thí điểm và được cho phép có thẩm quyền nhất định trong chuyển đưa ra quyết định kinh doanh cũng như sản xuất. Năm 1980, ba thành phố (Chongqing ở Tứ Xuyên, Changzhou ở Jiangsu, và Xaxi ở Hubei) được kể là những thành phố thí điểm cho chương trình tản quyền. Năm 1984, số thành phố thí điểm đã tăng lên là 58.

Công cuộc cải cách bao gồm (a) Các giám đốc chịu trách nhiệm đối với kết quả kinh doanh, (b) Nhà nước bãi bỏ kiểm soát chuyển định giá. Ngoại trừ đối với những sản phẩm cơ bản và thiết yếu hàng đầu nào đó, còn thì những sản phẩm quan trọng thứ yếu đều được phép có hệ thống hai cấp giá, giá quy định đối với khối lượng sản xuất thuộc kế hoạch, và giá thỏa thuận đối với những sản phẩm vượt mức kế hoạch, vốn được mang ra thị trường tự do với giá dao động theo một hạn độ cho phép. Tất cả những sản phẩm khác thì hoặc là theo "giá đề nghị", tức là nhà nước thủ xưởng hạn độ giá cả, hoặc là "giá thị trường", tức là dựa trên các lực lượng của thị trường tự do. Năm 1978, 97% tổng sản phẩm có giá quy định, 3% còn lại thuộc giá "đề nghị", đến cuối năm 1991, chỉ có 29% còn thuộc giá quy định, 35% thuộc giá "đề

ngợi", còn lại là giá tự do, (c) Kế hoạch sản xuất. Các đơn vị doanh nghiệp được ph đề ra kế hoạch sản xuất riêng của họ. sản phẩm công nghiệp nằm trong sự ho định và quản trị trực tiếp đã giảm từ 1 loại năm 1984 xuống còn 60 vào năm 1988. Những sản phẩm trước đây do nhà nước định đã giảm từ 256 xuống còn chưa đ 26. Trong cùng thời gian này, các sản phẩm thương mại trước đây do nhà nước giao giảm từ 188 xuống còn 22, (d) Cải cách thuế. Điều này bao gồm một loạt nhữ thay đổi trong vấn đề thu số doanh thu, nộp hết hoàn toàn cho nhà nước, từ đó được tái cấp đầu tư trở lại, cho đến hoạch chia lợi nhuận vào năm 1981, qua các xí nghiệp được phép giữ lại một phần lợi nhuận để tái đầu tư và phát triển, r đến thuế lợi nhuận 55% năm 1984 với vi chia thêm nửa số lợi nhuận sau khi đã n thuế. Vốn đầu tư trước đây được xem n do chính quyền chuẩn cấp thì nay "khôn còn có giá trị nữa", và được gọi là "vay ng hàng theo kế hoạch" có chịu lãi suất. V năm 1988, các xí nghiệp được yêu cầu tự lý những nhu cầu về vốn của mình, (e) C cách về hoạt động ngân hàng. Nă 1981, các xí nghiệp được phép sử dụng tồn khoản của mình, thay vì thuộc sự qu chế của ngân hàng hay của nhà nước. C ngân hàng được phép có sự tự do nhất địn nào đó trong chuyển quyết định cho v mượn của mình, một sự tách khỏi chuyệ cấp vốn theo kế hoạch như trước đây. V tháng 9 năm 1983, Ngân hàng Nhân đ trở thành ngân hàng trung ương chuyê hoá, và là ngân hàng của các ngân hàng, c trách nhiệm điều hành sự cung ứng tiền cũng như giám sát những cơ sở tài chín khác. Cùng lúc đó là sự ra đời hàng lo những ngân hàng thương mại, ngà hàng phát triển, và các công ty tài chín chuyên hoá khác. (f) Cải cách về tiề lương. Trong nửa năm sau của năm 1988, hệ thống tiền lương của Trung Quốc đ thay đổi khá nhiều, từ một hệ thống lươn có thứ bậc cứng nhắc bước sang một cấ trúc lương bổng mới cho các công nhâ viên chức nhà nước. Hệ thống tưởn

Bảng 1: THU NHẬP QUỐC DÂN

	Tổng thu nhập (Tỷ nguyên)	% so với năm trước	Tính theo đầu người (nguyên)	% so với năm trước
1978	301		315	
1979	335	11.3	346	9.8
1980	369	10.1	376	8.7
1981	394	6.8	397	5.6
1982	426	8.1	422	6.3
1983	474	11.3	463	9.7
1984	565	19.2	545	17.7
1985	702	24.2	668	22.6
1986	786	12.0	737	10.3
1987	931	18.4	859	16.6
1988	1,174	26.1	1,066	24.1
1989	1,317	12.2	1,178	10.5
1990	1,443	9.6	1,271	7.9

Bảng 2 TỔNG GIÁ TRỊ NHẬP KHẨU & XUẤT KHẨU
(100 triệu USD)

Năm	Tổng	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Quyết toán
1978	206.4	97.5	108.9	-11.4
1979	293.3	136.6	156.7	-20.1
1980	381.4	181.2	200.2	-19.0
1981	440.3	220.1	220.2	-0.1
1982	416.1	223.2	192.9	30.4
1983	436.2	222.3	213.9	8.4
1984	535.5	261.4	274.1	-12.7
1985	696.0	273.5	422.5	-149.0
1986	738.5	309.4	429.0	-119.6
1987	826.5	394.4	432.2	-37.8
1988	1,027.9	475.2	552.8	-77.6
1989	1,116.8	525.4	591.4	-66.0
1990	1,154.4	620.9	533.5	87.5

ường mới sẽ tính đến (1) lương cơ bản (2) mức thâm niên (3) chức năng công việc, (4) khen thưởng. Về phần các xí nghiệp doanh nghiệp, chính phủ chỉ đề ra mức cao nhất đối với các cấp và loại lương, và quyền xử lý còn lại là của các doanh nghiệp. Ý định của nhà nước là tàn quyền hoá hệ thống lương bổng.

II/ NỀN KINH TẾ MỞ CỬA

Chính phủ Trung Quốc thừa nhận rằng công cuộc cải cách kinh tế sẽ phải bị tổn thất và bị cản ngại bởi nhiều gánh nặng chính sự. Để giảm thiểu những biến động tiền tệ này, và để du nhập quan niệm nước ngoài vào làm thành sự kích tác cho tiến hành cải cách, những bước sau đây đã được tiến hành một cách từ từ:

(A) *Triển khai các đặc khu kinh tế special economic zone, viết tắt (SEZ) vào tháng 7 năm 1979. Bốn thành phố thuộc hai tỉnh phía nam đã được chuẩn nhận có quy chế SEZ, và 14 thành phố mở cửa đã được thiết lập từ năm 1984 đến 1986 dọc theo biển, và về sau còn mở cửa các đảo Hainan và Liaodong. Năm 1988, đảo Hải Nam được nâng cấp để nhận quy chế SEZ, và hai năm sau đó thì lập riêng ra vùng phát triển kinh tế Pudong, được phép có sự đầu tư trực tiếp của nước ngoài cho sự phát triển của đảo. Đặc khu kinh tế trong bối cảnh Trung Quốc là một đặc trưng độc đáo so với những nước khác. Chẳng hạn, Hải Nam được quy vùng cho sự phát triển công nghiệp, nông nghiệp, khoáng sản, mậu dịch và du lịch, có thẩm quyền nhận vốn của nước ngoài bằng danh nghĩa của mình và có thẩm quyền phê chuẩn việc thành lập các cơ sở kinh doanh tài chính trên đảo. Việc xuất và nhập khẩu nhiều sản phẩm nước đây là do chính quyền trung ương quản lý, nay đã được bãi bỏ. Thủ tục cấp visa cho du khách ngoại quốc được đơn giản hoá đi rất nhiều.*

(B) *Đầu tư nước ngoài.* Đầu tư nước ngoài được phép mang hình thức vay nợ, liên kết hợp đồng, liên doanh mỗi bên phần nửa, hoặc sở hữu ngoại quốc toàn phần. Thế nhưng để đạt được quy chế một xí nghiệp nước ngoài, sở hữu nước ngoài

buộc phải đạt tối thiểu 25%. Các đặc quyền hội cùng với quy chế như thế bao gồm kết cấu lương bổng khác biệt, miễn thuế cho việc nhập thiết bị và nguyên liệu sản xuất, thuê đất sử dụng dài hạn đến 45-50 năm, quyền tiếp cận nguồn vốn địa phương (tức là vay mượn ngân hàng địa phương), quyền xuất khẩu sản phẩm của mình...

(C) *Mậu dịch và ngoại hối.* Năm 1980 đã chứng kiến sự thành lập của rất nhiều cơ sở mới của các công ty ngoại thương thuộc nhiều bộ, tỉnh, thành phố lớn khác nhau. Tuy nhiên, giấy phép xuất nhập khẩu vẫn còn do chính quyền trung ương kiểm soát nhằm duy trì sự quản lý của nhà nước, mặc dù những xí nghiệp đầu tư nước ngoài được tự do xuất khẩu sản phẩm của họ. Một hối suất đa cấp đã được áp dụng, điều dần dần dẫn đến sự phá giá cố kiểm soát



CHỈ CHỐC LÁT!

Hai anh nọ tâm sự nhau:

- Cậu biết không, hôm qua mình mua hàng. Sau khi về mới phát hiện ra một số tiền, toàn là rách cả...!
- Thế bạn không nhờ ai đổi dùm được?
- Có chứ, mình đưa ngay cho bà xã mình...
- Chị ấy đến ngân hàng hay sao?
- Ờ ừ có, bà xã mình tiêu tiền tài lắm. Chỉ chốc lát thôi!

CHẲNG AI LÀM

Một thanh tra đến tham quan xí nghiệp X. nói chuyện với một công nhân:

- Ở phân xưởng này các anh có mấy người làm?
- Thưa, có đến bảy dốt công...
- Thế nếu như hôm nào không có dốt công thì sao?
- ... thì có lẽ chẳng ai nhúng tay vào.
- !!!

T.V.N

Bảng 3: LỢI TỨC CỦA NÔNG DÂN

	Tổng lợi tức (Tỉ nguyên)	Tính trên đầu người (Nguyên)	%
1978	98.6	124.3	24.3
1979	122.6	155.1	7.4
1980	132.6	166.6	13.4
1981	150.9	188.9	13.4
1982	172.3	214.9	13.4
1983	192.1	237.9	10.7
1984	225.1	280.2	17.8
1985	249.2	308.6	10.1
1986	272	335.2	8.6
1987	315.4	386.4	15.3
1988	381.8	463.5	20.0
1989	420.9	506.1	9.2
1990	500	594.3	17.4

của đồng yuan (nguyên), từ 1,5 ăn một đô-la Mỹ năm 1980 lên 5,7 ăn một đô-la Mỹ năm 1991. Thị trường ngoại hối đầu tiên được thành lập vào năm 1985 tại các đặc khu kinh tế và một số thành phố lớn. Mặc dù có sự lên xuống bất thường của thị trường chợ đen, chính quyền đã vẫn sử dụng một hệ thống hối suất thả nổi.

III. KẾT QUẢ

Thành tựu của công cuộc cải cách kinh tế tại Trung Quốc có thể miêu tả sinh động qua những dữ kiện dưới đây:

a. Trong 12 năm, lợi tức thực tế của 840 triệu nông gia đã tăng tổng cộng là 370%.

b. Mức tăng trưởng GNP - thực bình quân là trên 9% một năm, trải qua thời đoạn 10 năm, trong khi mức lạm phát vẫn ở 7,3% một năm. Mức tiết kiệm vẫn cao ở khoảng 35% một năm.

c. Tính từ năm 1978, lượng đầu tư trực tiếp của nước ngoài đổ vào Trung Quốc đã lên đến 17 tỷ USD. Đang có trên 32.000 dự án đầu tư của nước ngoài thực hiện tại Trung Quốc, kết quả là có trên 12.000 kỹ thuật học/qui trình mới được đưa vào ứng dụng. Năm 1990, các xí nghiệp do nước ngoài đầu tư đã sản xuất 13% tổng xuất lượng công nghiệp của Trung Quốc, và chiếm 11,7 tỷ đô-la USD trị giá xuất khẩu, tương đương với 20,4 tổng xuất khẩu của Trung Quốc trong năm đó.

d. Ngoại thương đã tăng từ 20,6 tỷ USD (trong số đó có 15 tỷ USD của xuất khẩu) năm 1978 lên 115 tỷ USD (62 tỷ USD là của xuất khẩu) năm 1990, đồng thời dự trữ ngoại hối cũng đã tăng từ xấp xỉ 7 tỷ USD năm 1978 lên trên 33 tỷ USD (kể cả 5 tỷ USD vàng) năm 1990.

e. Tổng số nợ nước ngoài chưa trả năm ở mức 52,5 tỷ USD năm 1990, trong số đó có 45,78 tỷ USD thuộc về vay trung hạn và dài hạn. Lãi suất nợ là 9,2%, và nợ của nhà nước chiếm 12,4% tổng GNP.

Mặc dù trong thập niên vừa qua đã có những bước tiến bộ có ý nghĩa, vẫn còn có một số vấn nạn cố hữu cần giải quyết:

a. Cơ cấu đa giá khuyến khích các

doanh nghiệp lao vào những mặt hàng "có lợi nhất", làm cho những sản phẩm thiết yếu nhất, giá cố định, và kém hấp dẫn rơi vào tình trạng khan hiếm.

b. Việc áp dụng quan niệm huy động vốn và đầu tư là một con dao hai lưỡi. Mặt phản ngược của nó là việc nhấn mạnh đến chuyên lái đã dẫn các doanh nghiệp đi đến chỗ lao vào đầu tư các khu vực khả dĩ sinh ra mức thu hồi vốn nhanh và mức biên lợi cao. Trong tình hình Trung Quốc, điều đó hàm ý một sự đầu tư quá độ vào các ngành công nghiệp nhẹ và một sự phát triển trì trệ trong cấu trúc hạ tầng cơ sở, một khuyết điểm phổ biến trong tất cả các cấp chính quyền địa phương, thậm chí cả ở cấp bộ.

(c) Việc thiếu chuyên định giá tài sản bảo đảm nợ đã để lại cho nhiều công ty những khoản nợ lớn không thể thu hồi được, đặc biệt đối với những công ty quốc doanh. Ngành kinh doanh ngân hàng đang phải chứng kiến một sự tăng trưởng quá nhanh của chuyên nợ nần, và thực tiễn cho vay kém nghiêm nhặt đã kết thúc với vô số món nợ không hoàn trả được.

(d) Cơ cấu giá thị trường một mặt làm tăng sức cung hàng hoá, nhưng một mặt lại đẩy mức tổng chi tiêu lên cao. Những nhóm dân chúng thu được lợi kém nhất từ công cuộc cải cách kinh tế gồm cả công nhân viên chức nhà nước, đang đứng trước viễn ảnh mức sống giảm sút.

Cộng thêm vào đó, tác động kép của một nền kinh tế hăm hở quá mức đã tạo nên một sự lạm phát "gián tiếp" 18,5% năm 1988 và 17,8% năm 1989.

IV/ Các yếu tố thành công

1. Chính sách nhà nước ổn cố và nhất quán.
2. Chính sách tài chính ổn định.
3. Đầu tư vào hạ tầng kiến trúc.
4. Môi trường quốc tế thuận lợi.

PHONG THIÊN

Lược dịch bản tham luận của Peter Kwok, Tổng giám đốc Bankers Trust Company, Hồng Kông, tháng hai năm 1992, tại Hội thảo về Cải cách kinh tế ở Trung Quốc - ĐHKH - TPHCM.

Sau một thời gian dài không được công nhận vì bị xem là một hình thức thù của chủ nghĩa tư bản, trong thời kỳ n của và cái cách hiện nay, thị trường chứng khoán ở Trung Quốc đã bắt đầu được khôi phục và xây dựng tại những trung tâm kinh tế lớn và những đặc khu kinh tế hải ngoại. Thật ra, ở Trung Quốc, trước năm 1949 cũng đã từng tồn tại các hình thức thị trường chứng khoán giống như phương Tây, chẳng hạn như ở Thượng Hải đã từng có một thị trường chứng khoán thuộc loại lớn nhất của Trung Quốc. Sau cho phép mở lại thị trường chứng khoán hiện nay, đã cho thấy giới lãnh đạo Trung Quốc hiện đã biết tiếp thu những thành tựu của nền kinh tế thị trường, hay nói cách khác, đã biết "hòa giải" với chủ nghĩa bản chứ không khẳng khái bám lấy những lý thuyết có tính chất giáo điều nh trước kia.

Hiện nay ở Thượng Hải và một nơi khác, hiện tượng dòng người xếp hàng dài đặc để chờ đến phiên mình được mua cổ phần của các công ty đã trở nên quen thuộc. Có một số dòng những người tham gia mua bán cổ phiếu là những người đầu cơ giá lên (Thuật ngữ chuyên môn gọi là "bull").

Một trong những nguyên nhân thành lập thị trường chứng khoán là ở điều kiện tài chính của chính phủ trung ương bị suy sụp nghiêm trọng. Vì hệ thống thuế mới không thể cung cấp đủ tiền chi ngân sách nên chính phủ phải cho phát hành công trái và số công trái này đã tạo thành một thị trường trị giá đến 50 tỷ đô-la. Vào đầu thập niên 80, những trái phiếu công ty đầu tiên cũng đã được phát hành với số lượng nhỏ và được phân phối như một thứ cổ tức cho các cổ đông. Mặc dù lúc đó chính phủ chưa cho phép, sự mua bán các cổ phiếu và trái phiếu có tính chất không chính thức đã diễn ra ở Thượng Hải ngay trên hè phố, giống như tình trạng xảy ra ở New York cách đây 200 năm, dưới bóng cây button-wood. Trong giai đoạn đầu tiên này của thị trường chứng khoán Trung Quốc, các trái phiếu được chú ý mua bán nhiều hơn là các cổ phiếu.

Nhưng giờ đây thị trường chứng khoán đã trở thành trung tâm điểm của kế hoạch lớn. Thị trường chứng khoán Thượng Hải đang tìm cách trở thành trung tâm điểm giao dịch chứng khoán lớn nhất của Trung Quốc, giống như trước kia. Bên cạnh đó, phải kể đến thị trường chứng khoán của Đặc khu Kinh tế Shenzhen có một qui mô nhỏ hơn. Riêng ở Thượng Hải có đến hơn 1 triệu người tham gia vào thị trường chứng khoán với đủ các loại cổ phiếu và trái phiếu.

Có hai loại chứng khoán được đưa ra mua bán: loại "A" dành cho khách hàng ở trong nước. Cho đến nay, nhu cầu của người mua về loại "A" này vẫn còn rất lớn. Còn loại "B" được dành cho khách nước